TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY THÀNH PHƯỜNGỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: **04**/2021/QĐST-DS	**Độc lập - Tự do - Hạnh phườngúc**
	Cầu Giấy, ngày 19 tháng 05 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY

Với thành phườngần giải quyết việc dân sự gồm có:

Chủ tọa phiên họp: Ông **Nguyễn Văn Lương** - Thẩm phườngán

Thư ký phiên họp: Bà **Dương Thị Kim Mỹ** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phườngố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên họp: Bà **Vũ Thị Phườngương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 05 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phườngố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 161/2020/TLST- DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 về yêu cầu tuyên bố một người mất tích theo Quyết định mở phiên họp số: 242/2021/QĐPHƯỜNG - DS ngày 12 tháng 05 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1/ ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

Ông **Nguyễn Hữu T** - sinh năm 1965.

Trú tại: Số 04B, ngõ A, tổ 01, p. D, quận Cầu Giấy, Thành phườngố Hà Nội (ông T có mặt)

2/ Người bị yêu cầu: Bà **Đỗ Thị Minh H** - sinh năm 1969.

Nơi cư trú cuối cùng tại: Số 04B, ngõ A, tổ 01, p. D, quận Cầu Giấy, Thành phườngố Hà Nội (bà H vắng mặt)

3/ ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:

Anh **Nguyễn Triệu H1** – sinh năm 1991 (anh H1 vắng mặt)

Chị **Nguyễn Nhật Q** – sinh năm 1995 (chị Q vắng mặt)

Cùng trú tại: Số 04B, ngõ A, tổ 01,p. D, quận Cầu Giấy, Thành phườngố Hà Nội

4/ Người làm chứng*:*

Ông **Đỗ Đức C** - sinh năm 1965(ông C vắng mặt)

Ông **Đỗ Đức L** – sinh năm 1979 (ông L vắng mặt)

Ông **Đỗ Mạnh H2** – sinh năm 1975 (ông H2 vắng mặt)

Cùng trú tại: Số 06, ngõ 59, đường M, p. D, quận Cầu Giấy, thành phườngố Hà Nội.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ**:**

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 19/10/2020 nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy và trong quá trình giải quyết vụ việc, người yêu cầu là ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Năm 1991, tôi tự nguyện kết hôn với bà Đỗ Thị Minh H – sinh năm: 1969, ĐKHKTT: số 4B, ngõ A, tổ 1, p. D, quận Cầu Giấy, Thành phườngố Hà Nội tại UBND phường D, quận Cầu Giấy, Hà Nội, khi kết hôn chúng tôi có đăng ký kết hôn

tại UBND thị trấn D (nay là phường D, quận Cầu Giấy). Tôi và bà H có 02 con chung là Nguyễn Triệu H1 – sinh ngày 21/7/1991 và Nguyễn Nhật Q – sinh ngày 26/12/1995. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm, gia đình đã giải quyết nhiều lần không có kết quả. Từ khoảng tháng 11 năm 2000, bà H đã bỏ nhà đi. Hai bên gia đình đã tìm kiếm bà H nhiều lần nhưng vẫn không thấy. Hiện nay, gia đình hai bên không ai biết bà H đang ở đâu.

Nay tôi đề nghị Tòa án tuyên bố bà Đỗ Thị Minh H – sinh năm: 1965; ĐKHKTT: số 04B, ngõ A, tổ 1, phường D, quận Cầu Giấy, Thành phườngố Hà Nội mất tích. Ngoài ra, tôi không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp phườngát biểu: trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết việc cũng như tại phiên họp, Thẩm phườngán chủ tọa phiên họp đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của phườngáp luật về trình tự thủ tục giải quyết việc dân sự, đảm bảo được tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của phườngáp luật. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của phườngáp luật. Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T về việc yêu cầu tuyên bố bà Đỗ Thị Minh H mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phườngố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Năm 1991 ông Nguyễn Hữu T kết hôn với bà Đỗ Thị Minh H có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Trong bản đăng ký kế hôn số 52 được lập tại UBND phường D, quận Cầu Giấy mà ông T cung cấp cho Tòa án thể hiện họ tên người vợ là "Đỗ Minh H".

Căn cứ vào ý kiến trình bày của ông Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Triệu H1, chị Nguyễn Nhật Q thể hiện bà Đỗ Thị Minh H là vợ của ông T và là mẹ của anh H1, chị Q có tên chính xác là Đỗ Thị Minh H.

Căn cứ vào ý kiến trình bày của ông Đỗ Đức C, anh Đỗ Đức L, anh Đỗ Mạnh H2 thể hiện bà Đỗ Thị Minh H là em gái của ông C và là chị gái của anh H2, anh L có tên chính xác là Đỗ Thị Minh H.

Tại công văn số 549/UBND-TP ngày 26/11/2020 của UBND phường D, quận Cầu Giấy cho biết "hiện tại hồ sơ lưu trữ tại phườngường không còn nên không xác định được sự nhầm lẫn về tên đệm giữa giấy khai sinh và giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của bà Đỗ Thị Minh H là do đâu"

Theo quy định của phườngáp luật về việc đính chính tên của cá nhân thì bà Đỗ Thị Minh H sẽ là người trực tiếp đi đính chính sửa chữa, nhưng hiện nay ông T là chồng của bà H, anh H1, chị Q là con của bà H và những người thân là anh và em ruột của bà H đều không biết bà H đang ở đâu. Do vậy Tòa án xác định người có tên Đỗ Minh H trong bản đăng ký kết hôn số 52 hiện đang lưu trữ tại phườngường D có tên chính xác là Đỗ Thị Minh H.

Do đó, Tòa án xác định ông Nguyễn Hữu T là chồng của bà Đỗ Thị Minh H (trong đăng ký kết hôn ghi Đỗ Minh H) và ông T có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Đỗ Thị Minh H mất tích.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ việc: bà Đỗ Thị Minh H là người bị yêu cầu có đăng ký hộ khẩu tH trú và là nơi cư trú cuối cùng tại số 4B, ngõ A, tổ 1, phường D, quận Cầu Giấy, Thành phườngố Hà Nội, căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

[1.3] Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như anh H1, chị Q và những người làm chứng như ông C, ông H2, ông L vắng mặt, nhưng họ đã có đề nghị xin giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ việc là phùngù hợp quy định của phùngáp luật.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Hữu T có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên bố bà Đỗ Thị Minh H mất tích, Tòa án xét thấy:

[2.1] Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của ông T, là chồng của bà H. Ông T cung cấp: bà Đỗ Thị Minh H bỏ nhà đi cách đây hơn 20 năm, không có liên lạc gì với gia đình, hiện nay ông cũng không biết bà H đang ở đâu, làm gì. Ông T và bà H có con là anh Nguyễn Triệu H1 và chị Nguyễn Nhật Q. Anh H1 và chị Q cũng không biết hiện nay bà H đang ở đâu, làm gì.

[2.2] Ông Đỗ Đức C; Ông Đỗ Đức L; Ông Đỗ Mạnh H2 là anh/em trai ruột của bà H theo bản tự khai đã cung cấp: Bà Đỗ Thị Minh H bỏ nhà đi từ năm 2000, đến nay không liên lạc lại với gia đình. Hiện nay ông C, ông L, ông H2 cũng không biết bà H đang làm gì, ở đâu.

[2.3] Xác minh tại Công an phường D cung cấp: bà Đỗ Thị Minh H không sinh sống địa phùngương từ năm 2000. Bà H đi đâu, làm gì công an phường không nắm được, do khi đi bà H không trình báo với công an phường.

[2.4] Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã ban hành Quyết định về việc Thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích trên Đài tiếng nói Việt Nam, Báo Nhân Dân. Nay đã hết 04 tháng kể từ ngày đăng tin nhưng cũng không có tin tức gì về bà Đỗ Thị Minh H.

Do đó, ông Nguyễn Hữu T đề nghị Tòa án tuyên bố bà Đỗ Thị Minh H mất tích là có cơ sở, phùngù hợp quy định của phùngáp luật nên được chấp nhận.

[3] Về lệ phí: Ông Nguyễn Hữu T phường1 chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015.
- khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 367, 369, 370, 371, 372, 388 và 389 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ quốc hội quy định về mức thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố mất tích của ông Nguyễn Hữu T đối với bà Đỗ Thị Minh H.

2. Tuyên bố bà Đỗ Thị Minh H – sinh năm: 1969; ĐKHKTT: số 4B, ngõ A, tổ 1, phường D, quận Cầu Giấy, Thành phườngố Hà Nội mất tích.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: ông Nguyễn Hữu T phường1 chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, xác nhận anh T. đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 20537 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, nay chuyển thành lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Ông Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND thành phườngố Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- UBND phường D,
- Lưu.

THẨM PHƯỜNGÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Văn Lương